TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 150/QĐ-HHC	*Nghệ An, ngày 10 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chính sách miễn, giảm thuế theo nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển Kinh tế-Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-SXD ngày 23/12/2021 của Sở xây dựng Nghệ An về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Nghệ An theo thông tư số 13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Công văn số 2507/LS-XD-TC ngày 14/7/2022 của Liên sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Nghệ An về việc công bố giá vật liệu xây dựng Quý II/2022;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-HHC-HĐQT ngày 29/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và vốn vay của Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-HĐQT-HHC ngày 13/5/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-HHC ngày 21/10/2021 của Giám đốc Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na về việc ban hành Quy trình bảo trì công trình xây dựng - công trình thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Phương án kỹ thuật Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính do Phòng KT-AT lập;

Căn cứ Dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu do Phòng KT-KH lập;

Căn cứ Tờ trình số 66/TTr-KTKH ngày 05/8/2022 của Phòng KT-KH Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na về việc phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính;

Căn cứ Báo cáo thẩm định phương án kỹ thuật và dự toán xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính của tổ thẩm định PV Power HHC;

Căn cứ Tình hình thực tế tại nhà máy thủy điện Hủa Na.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Nhà máy thuỷ điện Hủa Na.

2. Mục: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính.

3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na.

4. Mục đích thực hiện: Thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hủa Na nhằm đảm bảo chất lượng, tuổi thọ công trình, phù hợp với công năng sử dụng và tạo mỹ quan trong khuôn viên nhà máy, phục vụ sản xuất kinh doanh thuận lợi và hiệu quả.

5. Quy mô và phương án kỹ thuật:

5.1. Khu nhà ở cho CBCNV (Dãy nhà ở CBCNV 3 gian và 1 gian):

- Lắp dựng giàn giáo, cạo tẩy sơn cũ trong và ngoài nhà bị hư hỏng.
- Vệ sinh sạch bề mặt tường, trần.
- Sơn tường trong và ngoài nhà 1 nước lót, 2 nước phủ loại bóng, chống kiềm.
- Đục tạo nhám, láng vữa và lát gạch Granit chống trơn khu sân nhà CBCNV.
- Đục tạo nhám và ốp gạch Granit bảo vệ chân bờ tường và chân thềm nhà.
- Dọn sàn mái, quét sơn chống thấm xử lý trần nhà.
- Sửa chữa lại các vị trí mái tôn bị hư hỏng.

5.2. Bốt bảo vệ:

- Lắp dựng giàn giáo, cạo tẩy sơn cũ trong và ngoài nhà bị hư hỏng.
- Vệ sinh sạch bề mặt tường, trần.
- Sơn tường trong và ngoài nhà 1 nước lót, 2 nước phủ.
- Sửa chữa lại các vị trí mái tôn bị hư hỏng.

5.3. Nhà dầu số 01 và số 2 (2 nhà):

- Lắp dựng giàn giáo, cạo tẩy sơn cũ trong và ngoài nhà dầu.
- Vệ sinh sạch bề mặt tường, trần.
- Tháo dỡ mái tôn cũ.
- Đổ bê tông M200 chống thấm.
- Sơn chống thấm sàn 1 lớp lót 2 lớp phủ.
- Tháo dỡ, thay cửa đi bằng gỗ hư hỏng bằng cửa nhôm kính Việt Pháp.
- Xử lý một số vị trí hư hỏng mái tôn.

5.4. Nhà vận hành, nhà điezen Đập:

- Lắp dựng giàn giáo, cạo tẩy sơn cũ trong và ngoài nhà bị hư hỏng.
- Sơn tường trong và ngoài nhà 1 nước lót, 2 nước phủ.
- Tháo dỡ, thay thế cửa đi, cửa sổ gỗ bị hư hỏng bằng cửa nhôm kính Việt Pháp.
- Tháo dỡ tấm đan bê tông mương cáp.
- Thay thế tấm đan mương cáp bằng tấm nhựa PVC dày 1cm.

- Đổ bê tông M200 đáy mương cáp phía ngoài nhà điều khiển.
- Đục lỗ thoát nước mương cáp.

5.5. Nhà vận hành Cửa nhận nước:

- Lắp dựng giàn giáo, cạo tẩy sơn cũ trong và ngoài nhà bị hư hỏng.
- Sơn tường trong và ngoài nhà 1 nước lót, 2 nước phủ.

5.6. Hộ lan bê tông thân đập:

Sơn phản quang bề mặt hộ lan bê tông đảm bảo ATGT và mỹ thuật theo quy định

5.7. Cột thủy chí đập chính

- Lắp đặt dây treo an toàn.
- Cạo tẩy lớp sơn cũ.
- Sơn phản quang 2 nước phủ.

5.8. Nhà để xe đập chính

- Đào đất móng trước nhà để xe bằng thủ công đất cấp 3.
- Đổ bê tông nền cổng nhà xe M200 đá 1x2.

5.9. Móng cổng đường VH2

- Đào móng đất cấp 3 bằng máy đào 0,5m3.
- Lắp đặt cốt thép.
- Lắp đặt, tháo dỡ ván khuôn gỗ.
- Đổ bê tông M200 đá 1x2.
- Xây bù đá hộc móng vữa XM M50.

(Chi tiết như phương án kỹ thuật kèm theo).

6. Tổ chức lập phương án, dự toán: Phòng KT-AT, Phòng KT-KH.

7. Tổ chức thẩm định: Tổ thẩm định PV Power HHC.

8. Địa điểm xây dựng: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

9. Dự toán xây dựng:

Phê duyệt Giá trị dự toán xây dựng sau thuế: 494.258.907 đồng.

Trong đó :

+ Trước thuế : 457.647.136 đồng;

+ Thuế GTGT (8%): 36.611.771 đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi tư triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm linh bảy đồng./.

(Chi tiết như phụ lục 01 kèm theo).

10. Nguồn vốn: Sử dụng Nguồn vốn sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na phê duyệt tại Quyết định số 21/QĐ-HĐQT-HHC ngày 13/5/2022.

11. Hình thức thực hiện: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

12. Thời gian thực hiện: Trong Quý III/2022 ÷ Quý IV/2022 (hoàn thành trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực).

13. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu như sau:

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (tr.đ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện h/đồng
1	Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính	494,259	SXKD 2022	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III/2022	Trọn gói	60 ngày

14. Dự toán gói thầu:

Phê duyệt dự toán gói thầu Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính như sau:

VNĐ

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3+4)	(6)
1	**Chi phí xây dựng của gói thầu**	**457.647.136**	**36.611.771**	**494.258.907**	**G_{XD}**
1.1	Chi phí xây dựng	457.647.136	36.611.771	494.258.907	
2	**Chi phí dự phòng**	**0**	**0**	**0**	**G_{DPXD}**
	TỔNG CỘNG (1+2)	**457.647.136**	**36.611.771**	**494.258.907**	**G_{GTXD}**

Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi tư triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm linh bảy đồng./.

(Chi tiết như phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2: Giao cho các Phòng ban, Phân xưởng Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na tổ chức lựa chọn Nhà thầu, triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng các quy định hiện hành và của Công ty.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng Phòng ban, Phân xưởng và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- HĐQT, Ban KS (để b/c);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D:2900797430 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA
H.QUÊ PHONG-T.NGHỆ AN

Trịnh Bảo Ngọc

PHỤ LỤC 01

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

Hạng mục: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính

(Kèm theo Quyết định số 150/QĐ-HHC ngày 10/8/2022 của Giám đốc PV Power HHC)

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình khu vực Đập chính:				
I	**Nhà ở 3 gian:**				
1	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)	m^2	404,902	26.885	10.885.626
2	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	119,914	119.532	14.333.536
3	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	284,989	77.976	22.222.384
4	Lát nền bằng gạch granit chống trơn, KT 60x60cm, vữa XM M75, PCB40	m^2	160,000	334.021	53.443.348
5	Ốp chân bậc bằng gạch ceramic KT 30x60cm, vữa XM M75, PCB40	m^2	25,340	362.152	9.176.935
6	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	1,292	2.629.274	3.397.022
7	Sơn chống thấm mái, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	81,056	119.532	9.688.770
II	**Nhà ở 1 gian:**				
8	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)	m^2	197,350	26.885	5.305.675
9	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	61,115	119.532	7.305.186
10	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	136,235	77.976	10.623.100
11	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	0,667	2.629.274	1.753.726
12	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)		117,636	26.885	3.162.596
III	**Bốt bảo vệ:**	m^2			
13	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	61,570	119.532	7.359.573
14	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	56,066	77.976	4.371.819
15	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	0,544	2.629.274	1.430.325
IV	**Nhà dầu số 1 và số 2:**				

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
16	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)	m^2	340,714	26.885	9.159.958
17	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	160,782	119.532	19.218.562
18	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	179,933	77.976	14.030.507
19	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	1,385	2.629.274	3.641.545
20	Tháo dỡ kết cấu gỗ bằng thủ công	m^3	6,760	721.612	4.878.094
21	Cung cấp cửa kim loại - cửa đi 2 cánh, mở quay phù hợp QCVN 16:2019/BXD (bao gồm: khuôn, cánh cửa, thanh nhôm hãng Việt Pháp dày 1.2-1.4mm; phụ kiện khóa, bản lề gioăng hãng Việt Pháp; kính trắng Việt nhật dày 5mm; đã lắp đặt)	m^2	6,760	2.756.715	18.635.393
22	Sửa mái tôn, vệ sinh trần nhà dầu	Công	4,000	349.151	1.396.602
23	Bê tông sàn nhà dầu, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m^3	1,600	2.140.026	3.424.041
24	Sơn chống thấm sàn, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	32,000	119.532	3.825.018
25	Đục tháo dỡ tấm bê tông cửa ô thông gió nhà dầu	Công	2	349.151	698.301
26	Cung cấp cửa kim loại - cửa sổ 2 cánh mở hất phù hợp QCVN 16:2019/BXD (bao gồm: khuôn, cánh cửa, thanh nhôm hãng Việt Pháp dày 1.2-1.4mm; phụ kiện khóa, bản lề gioăng hãng Việt Pháp; kính trắng Việt nhật dày 5mm; đã lắp đặt)	m^2	1,440	2.067.536	2.977.252
V	**Nhà vận hành Đập:**				
27	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)	m^2	482,504	30.725	14.825.057
28	Sơn dầm, trần cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	198,926	119.532	23.777.983
29	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	283,578	77.976	22.112.360
30	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	1,384	2.629.274	3.638.915
31	Tháo dỡ kết cấu gỗ bằng thủ công	m^3	8,650	721.612	6.241.939
32	Cửa kim loại - cửa đi 1 cánh, mở quay phù hợp QCVN 16:2019/BXD (bao gồm: khuôn, cánh cửa, thanh nhôm hãng Việt Pháp dày 1.2-1.4mm; phụ kiện khóa, bản lề gioăng hãng Việt Pháp; kính trắng Việt nhật dày 5mm; đã lắp đặt)	m^2	4,840	2.526.989	12.230.626

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
33	Cửa kim loại - cửa sổ 1 cánh mở hất phù hợp QCVN 16:2019/BXD (bao gồm: khuôn, cánh cửa, thanh nhôm hãng Việt Pháp dày 1.2-1.4mm; phụ kiện khóa, bản lề gioăng hãng Việt Pháp; kính trắng Việt nhật dày 5mm; đã lắp đặt)	m^2	3,810	2.067.536	7.877.313
VI	**Nhà vận hành Cửa nhận nước:**				
34	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)	m^2	291,915	26.885	7.848.017
35	Sơn dầm, trần cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	130,389	119.532	15.585.632
36	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	161,526	77.976	12.595.198
37	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	0,989	2.629.274	2.600.352
VII	**Cải tạo Nhà bảo vệ, nhà để xe:**				
	Đào san tạo mặt bằng trước nhà xe tại Đập chính:				
38	Đào san đất bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	$100m^3$	0,450	1.078.925	485.516
39	Vận chuyển đất ra bãi thải bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 300m - Cấp đất III	$100m^3$	0,450	1.758.444	791.300
	Cải tạo rãnh thoát nước sau nhà bảo vệ:				
40	Vệ sinh, cạo tẩy mặt mương cũ trước khi cải tạo	Công	5	349.151	1.745.753
41	Xây tường rãnh thoát nước bằng Gạch bê tông đặc (105x60x220cm), vữa XM M50, PCB40	m^3	1,837	2.806.414	5.155.383
42	Trát tường thành rãnh dày 1,5cm, vữa XM M50, PCB40	m^2	40,080	119.027	4.770.582
VIII	**Rãnh thoát nước đường vào thân đập:**				
43	Nạo vét đất rãnh ra bãi thải - Cấp đất I	m^3	2,600	157.118	408.506
44	Đào bổ sung rãnh thoát nước - Cấp đất III	m^3	0,871	551.658	480.494
45	Bê tông đáy rãnh, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	0,290	1.792.096	519.708
46	Bê tông thành rãnh, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	0,323	2.405.288	776.908
47	Ván khuôn thành rãnh	$100m^2$	0,039	7.606.643	296.659
IX	**Cải tạo tấm đan bê tông mương cáp nhà dầu Đập tràn:**				
48	Sửa chữa, chống thấm mương cáp	Công	3	349.151	1.047.452
49	Bê tông tấm đan, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m^3	4,945	1.985.587	9.818.726
50	Lắp các loại CKBT đúc sẵn bằng thủ công	Cấu kiện	17	24.705	419.989
51	Tháo dỡ các cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công	Cấu kiện	10	49.635	496.347
X	**Cải tạo, thay thế tấm đan bê tông mương cáp tủ điều khiển, nhà máy phát điêzen:**				

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
52	Tháo dỡ các cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện 75kg	cấu kiện	11,000	80.179	881.970
53	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng 75kg lên phương tiện vận chuyển	Tấn	0,813	118.711	96.512
54	Vận chuyển phế thải phạm vi 300m bằng ô tô - 7,0T	m^3	0,370	35.644	13.188
55	Cung cấp tấm nhựa PVC cứng đặc dày 1cm màu ghi lằm nắp mương cáp	m^2	5,280	782.735	4.132.840
56	Gia công, lắp dựng nắp mương cáp bằng tấm nhựa PVC	Công	2	385.940	771.880
57	Vệ sinh, đục lỗ thoát nước đáy mương cáp	Công	5	349.151	1.745.753
58	Bê tông đáy mương cáp, M150, đá 1x2, PCB40	m^3	0,600	1.724.504	1.034.702
XI	**Bê tông nền nhà xe tại Đập chính:**				
59	Đào đất nền cổng vào nhà xe - Cấp đất III	m^3	5,544	432.947	2.400.257
60	Bê tông nền cổng vào nhà xe, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	5,544	1.777.618	9.855.112
XII	**Móng Cổng chào tại Đập chính:**				
61	Đào móng bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	$100m^3$	0,131	3.326.352	435.752
62	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 200m - Cấp đất III	$100m^3$	0,131	1.758.444	230.356
63	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤18mm	Tấn	0,024	26.190.757	628.578
64	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	Tấn	0,169	26.236.767	4.434.014
65	Bê tông móng trụ, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	5,430	1.792.096	9.731.081
66	Xây đá hộc bù hố móng, vữa XM M50, PCB40	m^3	8,505	1.831.001	15.572.661
XIII	**Sơn cải tạo cột thủy chí thượng lưu đập chính:**				
67	Sơn cột thủy chí bằng sơn phản quang, 2 nước phủ	m^2	29,500	94.606	2.790.871
A	**Cộng giá trị trước thuế**				**457.647.136**
B	**Thuế GTGT: A*8%**				**36.611.771**
C	**Cộng giá trị sau thuế: (A+B)**				**494.258.907**

PHỤ LỤC 02

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN GÓI THẦU

Gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính

(Kèm theo Quyết định số 150/QĐ-HHC ngày 10/8/2022 của Giám đốc PV Power HHC)

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (8%) (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3+4)	(6)
1	**Chi phí xây dựng của gói thầu**	**457.647.136**	**36.611.771**	**494.258.907**	**Gxd**
1.1	Chi phí xây dựng	457.647.136	36.611.771	494.258.907	
2	**Chi phí dự phòng (GDPXD1 + GDPXD2)**	**-**	**-**	**-**	**Gdpxd**
2.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	-	-	-	Gdpxd1
2.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	-	-	-	Gdpxd2
	TỔNG CỘNG (1+2)	**457.647.136**	**36.611.771**	**494.258.907**	**GGTXD**

BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT GÓI THẦU

Gói thầu: Bảo trì, sửa chữa và cải tạo một số Hạng mục công trình tại khu vực Đập chính

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT (8%)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)	(7)	(8)=(6+7)
	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình khu vực Đập chính:						
I	**Nhà ở 3 gian:**						
1	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)	m^2	404,902	26.885	10.885.626	870.850	11.756.477
2	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	119,914	119.532	14.333.536	1.146.683	15.480.219
3	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	284,989	77.976	22.222.384	1.777.791	24.000.175
4	Lát nền bằng gạch granit chống trơn, KT 60x60cm, vữa XM M75, PCB40	m^2	160,000	334.021	53.443.348	4.275.468	57.718.816
5	Ốp chân bậc bằng gạch ceramic KT 30x60cm, vữa XM M75, PCB40	m^2	25,340	362.152	9.176.935	734.155	9.911.089
6	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	1,292	2.629.274	3.397.022	271.762	3.668.784
7	Sơn chống thấm mái, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	81,056	119.532	9.688.770	775.102	10.463.871
II	**Nhà ở 1 gian:**						
8	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)	m^2	197,350	26.885	5.305.675	424.454	5.730.129
9	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	61,115	119.532	7.305.186	584.415	7.889.601
10	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	136,235	77.976	10.623.100	849.848	11.472.948
11	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	0,667	2.629.274	1.753.726	140.298	1.894.024
12	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)		117,636	26.885	3.162.596	253.008	3.415.604
III	**Bốt bảo vệ:**	m^2					

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT (8%)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)	(7)	(8)=(6+7)
13	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	61,570	119.532	7.359.573	588.766	7.948.339
14	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	56,066	77.976	4.371.819	349.745	4.721.564
15	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	0,544	2.629.274	1.430.325	114.426	1.544.751
IV	**Nhà dầu số 1 và số 2:**						
16	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)	m^2	340,714	26.885	9.159.958	732.797	9.892.755
17	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	160,782	119.532	19.218.562	1.537.485	20.756.047
18	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	179,933	77.976	14.030.507	1.122.441	15.152.948
19	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	1,385	2.629.274	3.641.545	291.324	3.932.868
20	Tháo dỡ kết cấu gỗ bằng thủ công	m^3	6,760	721.612	4.878.094	390.248	5.268.341
21	Cung cấp cửa kim loại - cửa đi 2 cánh, mở quay phù hợp QCVN 16:2019/BXD (bao gồm: khuôn, cánh cửa, thanh nhôm hãng Việt Pháp dày 1.2-1.4mm; phụ kiện khóa, bản lề gioăng hãng Việt Pháp; kính trắng Việt nhật dày 5mm; đã lắp đặt)	m^2	6,760	2.756.715	18.635.393	1.490.831	20.126.225
22	Sửa mái tôn, vệ sinh trần nhà dầu	Công	4,000	349.151	1.396.602	111.728	1.508.331
23	Bê tông sàn nhà dầu, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m^3	1,600	2.140.026	3.424.041	273.923	3.697.964
24	Sơn chống thấm sàn, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	32,000	119.532	3.825.018	306.001	4.131.019
25	Đục tháo dỡ tấm bê tông cửa ô thông gió nhà dầu	Công	2	349.151	698.301	55.864	754.165
26	Cung cấp cửa kim loại - cửa sổ 2 cánh mở hất phù hợp QCVN 16:2019/BXD (bao gồm: khuôn, cánh cửa, thanh nhôm hãng Việt Pháp dày 1.2-1.4mm; phụ kiện khóa, bản lề gioăng hãng Việt Pháp; kính trắng Việt nhật dày 5mm; đã lắp đặt)	m^2	1,440	2.067.536	2.977.252	238.180	3.215.432
V	**Nhà vận hành Đập:**						
27	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)	m^2	482,504	30.725	14.825.057	1.186.005	16.011.061

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT (8%)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)	(7)	(8)=(6+7)
28	Sơn dầm, trần cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	198,926	119.532	23.777.983	1.902.239	25.680.222
29	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	283,578	77.976	22.112.360	1.768.989	23.881.349
30	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	1,384	2.629.274	3.638.915	291.113	3.930.029
31	Tháo dỡ kết cấu gỗ bằng thủ công	m^3	8,650	721.612	6.241.939	499.355	6.741.295
32	Cửa kim loại - cửa đi 1 cánh, mở quay phù hợp QCVN 16:2019/BXD (bao gồm: khuôn, cánh cửa, thanh nhôm hãng Việt Pháp dày 1.2-1.4mm; phụ kiện khóa, bản lề gioăng hãng Việt Pháp; kính trắng Việt nhật dày 5mm; đã lắp đặt)	m^2	4,840	2.526.989	12.230.626	978.450	13.209.076
33	Cửa kim loại - cửa sổ 1 cánh mở hất phù hợp QCVN 16:2019/BXD (bao gồm: khuôn, cánh cửa, thanh nhôm hãng Việt Pháp dày 1.2-1.4mm; phụ kiện khóa, bản lề gioăng hãng Việt Pháp; kính trắng Việt nhật dày 5mm; đã lắp đặt)	m^2	3,810	2.067.536	7.877.313	630.185	8.507.498
VI	**Nhà vận hành Cửa nhận nước:**						
34	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện trạng (toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, sàn trong và ngoài nhà)	m^2	291,915	26.885	7.848.017	627.841	8.475.858
35	Sơn dầm, trần cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	130,389	119.532	15.585.632	1.246.851	16.832.482
36	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m^2	161,526	77.976	12.595.198	1.007.616	13.602.814
37	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài thi công	$100m^2$	0,989	2.629.274	2.600.352	208.028	2.808.380
VII	**Cải tạo Nhà bảo vệ, nhà để xe:**						
	Đào san tạo mặt bằng trước nhà xe tại Đập chính:						
38	Đào san đất bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	$100m^3$	0,450	1.078.925	485.516	38.841	524.357
39	Vận chuyển đất ra bãi thải bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 300m - Cấp đất III	$100m^3$	0,450	1.758.444	791.300	63.304	854.604
	Cải tạo rãnh thoát nước sau nhà bảo vệ:						
40	Vệ sinh, cạo tẩy mặt mương cũ trước khi cải tạo	Công	5	349.151	1.745.753	139.660	1.885.413
41	Xây tường rãnh thoát nước bằng Gạch bê tông đặc (105x60x220cm), vữa XM M50, PCB40	m^3	1,837	2.806.414	5.155.383	412.431	5.567.813
42	Trát tường thành rãnh dày 1,5cm, vữa XM M50, PCB40	m^2	40,080	119.027	4.770.582	381.647	5.152.229

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT (8%)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)	(7)	(8)=(6+7)
VIII	**Rãnh thoát nước đường vào thân đập:**						
43	Nạo vét đất rãnh ra bãi thải - Cấp đất I	m^3	2,600	157.118	408.506	32.680	441.187
44	Đào bổ sung rãnh thoát nước - Cấp đất III	m^3	0,871	551.658	480.494	38.440	518.934
45	Bê tông đáy rãnh, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	0,290	1.792.096	519.708	41.577	561.284
46	Bê tông thành rãnh, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	0,323	2.405.288	776.908	62.153	839.061
47	Ván khuôn thành rãnh	$100m^2$	0,039	7.606.643	296.659	23.733	320.392
IX	**Cải tạo tấm đan bê tông mương cáp nhà dầu Đập tràn:**						
48	Sửa chữa, chống thấm mương cáp	Công	3	349.151	1.047.452	83.796	1.131.248
49	Bê tông tấm đan, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m^3	4,945	1.985.587	9.818.726	785.498	10.604.224
50	Lắp các loại CKBT đúc sẵn bằng thủ công	Cấu kiện	17	24.705	419.989	33.599	453.588
51	Tháo dỡ các cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công	Cấu kiện	10	49.635	496.347	39.708	536.054
X	**Cải tạo, thay thế tấm đan bê tông mương cáp tủ điều khiển, nhà máy phát điêzen:**						
52	Tháo dỡ các cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện 75kg	cấu kiện	11,000	80.179	881.970	70.558	952.527
53	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng 75kg lên phương tiện vận chuyển	Tấn	0,813	118.711	96.512	7.721	104.233
54	Vận chuyển phế thải phạm vi 300m bằng ô tô - 7,0T	m^3	0,370	35.644	13.188	1.055	14.243
55	Cung cấp tấm nhựa PVC cứng đặc dày 1cm màu ghi lằm nắp mương cáp	m^2	5,280	782.735	4.132.840	330.627	4.463.467
56	Gia công, lắp dựng nắp mương cáp bằng tấm nhựa PVC	Công	2	385.940	771.880	61.750	833.631
57	Vệ sinh, đục lỗ thoát nước đáy mương cáp	Công	5	349.151	1.745.753	139.660	1.885.413
58	Bê tông đáy mương cáp, M150, đá 1x2, PCB40	m^3	0,600	1.724.504	1.034.702	82.776	1.117.478
XI	**Bê tông nền nhà xe tại Đập chính:**						
59	Đào đất nền cổng vào nhà xe - Cấp đất III	m^3	5,544	432.947	2.400.257	192.021	2.592.277
60	Bê tông nền cổng vào nhà xe, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	5,544	1.777.618	9.855.112	788.409	10.643.521
XII	**Móng Cổng chào tại Đập chính:**						
61	Đào móng bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	$100m^3$	0,131	3.326.352	435.752	34.860	470.612

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thuế GTGT (8%)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)	(7)	(8)=(6+7)
62	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi 200m - Cấp đất III	$100m^3$	0,131	1.758.444	230.356	18.428	248.785
63	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤18mm	Tấn	0,024	26.190.757	628.578	50.286	678.864
64	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤10mm	Tấn	0,169	26.236.767	4.434.014	354.721	4.788.735
65	Bê tông móng trụ, M200, đá 1x2, PCB40	m^3	5,430	1.792.096	9.731.081	778.486	10.509.567
66	Xây đá hộc bù hố móng, vữa XM M50, PCB40	m^3	8,505	1.831.001	15.572.661	1.245.813	16.818.474
XIII	**Sơn cải tạo cột thủy chí thượng lưu đập chính:**						
67	Sơn cột thủy chí bằng sơn phản quang, 2 nước phủ	m^2	29,500	94.606	2.790.871	223.270	3.014.140
	Cộng giá trị				**457.647.136**	**17.198.224**	**494.258.907**